

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

TT/H
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09 /2013 /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 20 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế về quản lý, vận hành, sử dụng
và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng
của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/04/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT/BTTTT-BCA ngày 28 tháng 11 năm 2008 của liên Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Công an về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin trong hoạt động bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 23/2011/TT-BTTTT ngày 11 tháng 8 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 276/ TTr-STTTT, ngày 29/5/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *My*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Bộ Thông tin và Truyền thông;
 - Cục Kiểm tra Văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
 - Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Ủy ban MTTQ VN tỉnh và các đoàn thể;
 - Tòa án nhân dân tỉnh;
 - Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
 - Văn phòng Tỉnh ủy;
 - Văn phòng Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh;
 - Báo Ninh Bình, Đài PTTH Ninh Bình ;
 - Trung tâm TH - CB, Cổng TTĐT tỉnh;
 - Lưu: VT, VP6, VP8.
- KH/12

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hữu Bình

QUY CHẾ

**Về quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên
Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước
trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09 /2013/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh là mạng truyền dẫn tốc độ cao, sử dụng phương thức chuyển mạch nhãn đa giao thức trên nền giao thức liên mạng (IP/MPLS) sử dụng riêng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh do các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) và các doanh nghiệp viễn thông được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình cho phép xây dựng, vận hành (sau đây viết tắt là Mạng chuyên dùng).

2. An toàn thông tin bao gồm các hoạt động quản lý, nghiệp vụ và kỹ thuật đối với hệ thống thông tin nhằm bảo vệ, khôi phục các hệ thống, các dịch vụ và nội dung thông tin đối với nguy cơ tự nhiên hoặc do con người gây ra. Việc bảo vệ thông tin, tài sản và con người trong hệ thống thông tin nhằm bảo đảm cho các hệ thống thực hiện đúng chức năng, phục vụ đúng đối tượng một cách sẵn sàng, chính xác và tin cậy.

3. Đơn vị sử dụng Mạng chuyên dùng là các cơ quan thuộc hệ thống chính trị của tỉnh có điểm kết nối vào Mạng chuyên dùng.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH MẠNG CHUYÊN DÙNG

Điều 4. Nguyên tắc chung về quản lý, vận hành và sử dụng Mạng chuyên dùng

1. Mạng chuyên dùng được quản lý, vận hành và sử dụng tập trung, thống nhất; được kiểm tra, đánh giá định kỳ để đảm bảo an toàn, bảo mật; đảm bảo hoạt động liên tục, thông suốt; khai thác hiệu quả tài nguyên mạng máy tính và nâng cao chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Chi phí sử dụng mạng chuyên dùng phải thực hiện theo các quy định hiện hành, được đảm bảo từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp cho các cơ quan sử dụng mạng căn cứ theo nhu cầu và mức độ sử dụng thực tế của từng cơ quan trên cơ sở tiết kiệm, hiệu quả.

3. Việc sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên Mạng chuyên dùng phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, giao dịch điện tử và bảo đảm bí mật nhà nước.

Điều 5. Quyền và trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và dịch vụ cho Mạng chuyên dùng thực hiện các quy định của pháp luật về quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, an toàn cơ sở hạ tầng; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, an toàn cơ sở hạ tầng trong hoạt động của Mạng chuyên dùng.

2. Phối hợp với Công an tỉnh để bảo đảm an ninh thông tin, thanh tra, kiểm tra và xử lý đối với tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về bảo đảm an ninh thông tin trong hoạt động của Mạng chuyên dùng.

3. Thành lập Nhóm ứng cứu sự cố máy tính (CSIRT) tại Sở Thông tin và Truyền thông để làm đầu mối liên hệ với Cơ quan điều phối ứng cứu sự cố máy tính của Bộ Thông tin và Truyền thông và liên kết với các CSIRT của các cơ quan, doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh nhằm ứng cứu kịp thời khi xảy ra các sự cố mất an toàn thông tin trong hệ thống Mạng chuyên dùng.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ban hành theo thẩm quyền quy định kết nối; hướng dẫn các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh cách sử dụng và khai thác, quản lý mạng chuyên dùng an toàn, hiệu quả và lập dự toán chi phí sử dụng Mạng chuyên dùng.

5. Hàng năm xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn, đào tạo các kiến thức về quản lý, vận hành, sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin cho các cán bộ phụ trách hoặc chuyên trách CNTT tại các đơn vị có kết nối vào Mạng chuyên dùng.

6. Báo cáo định kỳ hàng năm, đột xuất cho UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông tình hình sử dụng Mạng chuyên dùng trong hoạt động ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Chỉ đạo, triển khai công tác bảo đảm an ninh thông tin, phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác trong Mạng chuyên dùng; kiểm tra và xử lý vi phạm đối với tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về bảo đảm an ninh thông tin trong hoạt động của Mạng chuyên dùng.

2. Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng; kiểm tra và xử lý đối với tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng trong Mạng chuyên dùng.

3. Khi phát hiện các thông tin, tài liệu, dữ liệu, số liệu đồ vật liên quan đến hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 151/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan và cán bộ chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp các thông tin, dữ liệu, số liệu, tài liệu, đồ vật liên quan.

b) Thực hiện theo thẩm quyền các biện pháp thu giữ, sao chép thông tin, dữ liệu, số liệu, tài liệu, đồ vật, một phần hoặc toàn bộ hệ thống thiết bị liên quan.

c) Ngăn cản việc truy nhập trái phép hệ thống thiết bị, mạng lưới và sử dụng dịch vụ.

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

4. Hướng dẫn nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ của các tổ chức quản lý, khai thác Mạng chuyên dùng phục vụ công tác ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Quyền và trách nhiệm của các doanh nghiệp viễn thông xây dựng, vận hành Mạng chuyên dùng

1. Các doanh nghiệp viễn thông chịu trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác và bảo vệ đường truyền kết nối của Mạng chuyên dùng phải bảo đảm chất lượng, đáp ứng nhu cầu sử dụng của tất cả các đơn vị sử dụng mạng, bảo đảm các yêu cầu về dung lượng, tốc độ, chất lượng dịch vụ mạng và an toàn thông tin theo quy định.

2. Xây dựng các quy chế về quản lý, điều hành khai thác, khắc phục sự cố, bảo dưỡng đường truyền kết nối của Mạng chuyên dùng do doanh nghiệp vận hành, khai thác và bảo vệ. Triển khai các giải pháp và hệ thống thiết bị dự phòng để bảo đảm cơ sở hạ tầng Mạng chuyên dùng hoạt động liên tục và an toàn.

3. Thiết lập và thông báo đầu mối, số điện thoại liên lạc để hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục sự cố và giải quyết khiếu nại của các đơn vị sử dụng Mạng chuyên dùng trên địa bàn tỉnh tới cấp huyện.

4. Xây dựng và công bố danh mục các dịch vụ được cung cấp trên Mạng chuyên dùng do doanh nghiệp mình cung cấp.

5. Xây dựng quy định chi tiết các nội dung hợp đồng mẫu và tiến hành thương thảo, ký kết hợp đồng với đơn vị được giao quản lý vận hành, sử dụng Mạng chuyên dùng phục vụ công tác ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh do doanh nghiệp mình cung cấp.

6. Định kỳ báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông (06 tháng/lần, trước ngày 10 sau tháng báo cáo định kỳ) và đột xuất theo yêu cầu về tình hình hoạt động của Mạng chuyên dùng.

7. Báo cáo ngay cho Sở Thông tin và Truyền thông để nhận chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố đối với Mạng chuyên dùng hoặc các sự cố cần tổ chức ứng cứu thông tin.

Chương III

SỬ DỤNG MẠNG CHUYÊN DÙNG

Điều 8. Trách nhiệm đơn vị sử dụng Mạng chuyên dùng

1. Quản lý, khai thác và bảo đảm hoạt động liên tục của thiết bị mạng ở điểm kết nối đặt tại cơ quan mình theo biên bản bàn giao thiết bị.

2. Chịu trách nhiệm về nội dung, thông tin truyền đưa trên Mạng chuyên dùng theo đúng quy định pháp luật.

3. Sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên Mạng chuyên dùng theo đúng các quy định tại Điều 10 của Thông tư số 23/2011/TT-BTTTT ngày 11 tháng 8 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

4. Không thay đổi kết nối, thông số thiết lập mạng của các thiết bị liên quan đến Mạng chuyên dùng không thuộc thẩm quyền, gây xung đột tài nguyên, ảnh hưởng đến việc vận hành hệ thống Mạng chuyên dùng.

5. Chịu trách nhiệm các vấn đề liên quan như:
- a) Hệ thống tường lửa của đơn vị đối với Mạng chuyên dùng;
 - b) Quản lý bộ tập trung người dùng mạng riêng ảo của cơ quan được thiết lập (nếu có) trên nền tảng Mạng chuyên dùng;
 - c) Quản lý các tên miền của cơ quan;
 - d) Sở hữu và quản lý các chính sách kết nối Internet của riêng cơ quan thông qua Mạng chuyên dùng;
 - đ) Ghi lại các sự cố, lỗi xảy ra về kết nối Mạng chuyên dùng, về an toàn, bảo mật thông tin; trường hợp có sự cố nghiêm trọng vượt quá khả năng khắc phục của đơn vị phải thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông và doanh nghiệp viễn thông quản lý, vận hành Mạng chuyên dùng để phối hợp khắc phục kịp thời, nhanh chóng.
6. Đăng ký sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số với Ban Cơ yếu Chính phủ để bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin trên Mạng chuyên dùng.
7. Trong trường hợp có kế hoạch nâng cấp, bảo trì hệ thống mạng nội bộ có ảnh hưởng đến Mạng chuyên dùng, cần thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông và doanh nghiệp viễn thông quản lý, vận hành Mạng chuyên dùng trước tối thiểu 05 ngày làm việc để bảo đảm phù hợp với quy hoạch tổng thể Mạng chuyên dùng.
8. Phải tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, về quản lý và cấp phép cung cấp thông tin, thiết lập trang thông tin điện tử trên Internet, về chế độ bảo mật, an toàn thông tin.
9. Phải xây dựng quy chế nội bộ về việc bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin của đơn vị mình quản lý và có cán bộ phụ trách quản lý an toàn thông tin. Hàng năm phải lập kinh phí trong các dự án ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị để đầu tư thiết bị và triển khai các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin.
10. Trước ngày 01 tháng 12 hàng năm, báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông về tình hình khai thác, sử dụng và công tác bảo đảm an toàn thông tin Mạng chuyên dùng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị mình.

Điều 9. Trách nhiệm của cá nhân sử dụng Mạng chuyên dùng

1. Người sử dụng (thuộc các đơn vị sử dụng Mạng chuyên dùng) khi kết nối vào Mạng chuyên dùng phải tuyệt đối tuân thủ những quy chế về quản lý, vận hành và sử dụng Mạng chuyên dùng; được quyền khai thác các tài nguyên trên mạng để phục vụ cho công tác tại cơ quan, nhưng phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và đảm bảo chế độ bảo mật, an toàn an ninh theo quy định; không được tiết lộ mật khẩu truy nhập các ứng dụng trên mạng chuyên dùng cho các tổ chức, cá nhân không có

thẩm quyền; không được lợi dụng hạ tầng Mạng chuyên dùng vào các mục đích không thuộc phạm vi, chức năng nhiệm vụ được phân công, để cung cấp phát tán thông tin không được pháp luật cho phép, gây mất an toàn, an ninh thông tin.

2. Khi phát hiện sự cố, cần thông báo kịp thời cho người có thẩm quyền để giải quyết.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm hướng dẫn, thi hành

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện Quy chế này cho các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn các đơn vị này quản lý, khai thác hiệu quả Mạng chuyên dùng.

2. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng Mạng chuyên dùng, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm tổ chức triển khai và kiểm tra việc chấp hành tại đơn vị theo đúng nội dung của Quy chế này.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; các đơn vị, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh, đề xuất ý kiến về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hữu Bình